TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2022/QĐST-DS	*Cẩm Khê, ngày 25 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại Cổ phần Quốc Tế V (VIB).

Địa chỉ: Tòa nhà Sailing Tower - 111A Pasteur, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Văn T. Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng thương mại Cổ phần Quốc Tế V (Theo văn bản ủy quyền số 2289121 ngày 07/6/2021).

Bị đơn: Vợ chồng anh Chu Ngọc P, sinh năm 1984 và chị Phùng Thị V, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Khu T, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngày 18/5/2022, vợ chồng anh Chu Ngọc P và chị Phùng thị V có nghĩa vụ trả nợ số tiền 690.932.160 đ (Sáu trăm chín mươi triệu chín trăm ba mươi hai nghìn một trăm sáu mươi đồng; trong đó 595.822.546 đồng tiền gốc và 96.109.614 đồng tiền lãi); tại hợp đồng tín dụng số 928196320 ký giữa Ngân hàng thương mại Cổ phần Quốc Tế V với vợ chồng anh Chu Ngọc P và chị Phùng Ngọc V ngày 30/10/2020.

2.2. Vợ chồng anh Chu Ngọc P và chị Phùng Thị V có nghĩa vụ trả nợ lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc từ ngày 19/5/2022, tiếp tục được thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng số 928196320 ngày 30/10/2020 hai bên đã ký kết.

2.3. Về án phí: Vợ chồng anh Chu Ngọc P và chị Phùng Thị V tự nguyện

nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 31.637.286 đ (Ba mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi bẩy nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng). Trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Quốc Tế V số tiền 14.336.000đ (Mười bốn triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0007819, ngày 29/3/2022; tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày ra quyết định cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hán Hưởng

-

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).